

Số : 507/2014/BC-HĐQT-CII

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2014

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

**Tên công ty đại chúng:** Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM

**Đại chỉ trụ sở chính:** 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.

**Điện thoại:** 08 39 141 904. Fax: 08 39.141 910 Email: info@cii.com.vn

**Vốn điều lệ:** 1.129.275.000.000 đồng.

**Mã Chứng khoán:** CII

### I. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của HĐQT: Năm 2013 Hội đồng quản trị tổ chức 01 cuộc họp trực tiếp, còn lại là họp thông qua bằng văn bản.

| Số TT | Thành viên HĐQT         | Chức vụ    | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự                                       |
|-------|-------------------------|------------|---------------------|-------|-----------------------------------------------------------|
| 01    | Ông Lê Vũ Hoàng         | Chủ tịch   | 05                  | 100%  |                                                           |
| 02    | Ông Đặng Ngọc Thanh     | P.Chủ tịch | 05                  | 100%  |                                                           |
| 03    | Ông Lê Quốc Bình        | Ủy viên    | 05                  | 100%  |                                                           |
| 04    | Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm  | Ủy viên    | 05                  | 100%  |                                                           |
| 05    | Ông Dominic Screven     | Ủy viên    | 03                  | 100%  | Bận đi công tác (ủy quyền cho Chủ tịch)                   |
| 06    | Ông Gerardo C.Ablaza,Jr | Ủy viên    | 03                  | 100%  | Bận đi công tác (ủy quyền cho Ông Michael C. Montelibano) |
| 07    | Ông Nguyễn Hồng Sơn     | Ủy viên    | 05                  | 100%  |                                                           |
| 08    | Ông Nguyễn Quang Thanh  | Ủy viên    | 03                  | 100%  |                                                           |



|    |                       |         |    |      |  |
|----|-----------------------|---------|----|------|--|
| 09 | Ông John Eric Francia | Ủy viên | 03 | 100% |  |
|----|-----------------------|---------|----|------|--|

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc: Hiện có 3 trong số 9 thành viên của Hội đồng quản trị tham gia điều hành trong Công ty. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên không tham gia điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ. Cụ thể :

- + Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ cơ sở này, Hội đồng quản trị Công ty có điều kiện thực hiện giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong công tác tổ chức, quản lý điều hành, bảo toàn vốn & triển khai dự án.
- + Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

## II. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

| STT | Số nghị quyết/Quyết định                           | Ngày       | Nội dung                                                                                                            |
|-----|----------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | 51/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (xin ý kiến bằng văn bản) | 08/1/2014  | Chấp thuận cho Công ty CII được niêm yết bổ sung cổ phiếu ESOP.                                                     |
| 02  | 52/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (xin ý kiến bằng văn bản) | 09/01/2014 | Trình Đại hội đồng cổ đông công ty về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.                                   |
| 03  | 53/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (xin ý kiến bằng văn bản) | 14/01/2014 | Đồng ý cho CII tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn sau khi hoàn tất chào mua công khai.      |
| 04  | 54/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (xin ý kiến bằng văn bản) | 24/01/2014 | Đồng ý cho Công ty CII tham gia đầu tư dự án Rạch Miễu.                                                             |
| 05  | 55/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (xin ý kiến bằng văn bản) | 25/01/2014 | Đồng ý cho Công ty CII thông qua hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi.                                      |
| 06  | 56/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (xin ý kiến bằng văn bản) | 24/02/2014 | Chấp thuận cho CII phát hành giai đoạn 1 của gói trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị phát hành là 650 tỷ đồng. |
| 07  | 57/NQ-HĐQT (NK2012-2017)(xin ý kiến bằng văn bản)  | 27/02/2014 | Chấp thuận quyền ưu tiên thanh toán đối với trái phiếu chuyển đổi của Công ty CII phát hành cho cổ đông hiện hữu.   |
| 08  | 58/NQ-HĐQT (NK2012-2017) (Biên bản họp HĐQT)       | 27/2/2013  | 1 Thống nhất thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2013 và kế hoạch hoạt động năm 2014.                          |

3302  
CÔNG  
CỔ P  
U TƯ  
HUẬT  
HỒ CH  
TP.

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức                                                    | Chức vụ/<br>Quan hệ | Địa chỉ                                                            | CMND/<br>Passport/<br>Số ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|---------|----------------------------|-------------------------------|
|     | Thùy                                                                   |                     | Võ, phố Trần Huy Liệu, Hà Nội                                      |                               |          |         |                            |                               |
| 1.2 | Nguyễn Sơn Tùng                                                        | Con                 | Nhà B1 Giảng Võ, phố Trần Huy Liệu, Hà Nội                         |                               |          |         |                            |                               |
| 1.3 | Nguyễn Tuấn Khôi                                                       | Con                 | Nhà B1 Giảng Võ, phố Trần Huy Liệu, Hà Nội                         |                               |          |         |                            |                               |
| 1.4 | Nguyễn Tùng Lâm                                                        | Cha                 | Nhà 24, ngách 15, ngõ 19 phố Kim Đồng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội |                               |          |         |                            |                               |
| 1.5 | Nguyễn Thị Hồng Năm                                                    | Mẹ                  | Nhà 24, ngách 15, ngõ 19 phố Kim Đồng, Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội |                               |          |         |                            |                               |
| 2   | <b>Dương Trường Hải</b><br>(Không còn liên quan kể từ ngày 25/01/2014) | <b>TV HĐQT</b>      |                                                                    |                               |          |         |                            | 0                             |
| 2.1 | Hạ Thị Minh Nguyệt                                                     | 0                   | Mẹ                                                                 |                               |          |         |                            | 0                             |
| 2.2 | Chu Ngọc Minh                                                          | 0                   | Vợ                                                                 |                               |          |         |                            | 0                             |
| 2.3 | Dương Minh Thanh                                                       | 0                   | Chị                                                                |                               |          |         |                            | 0                             |
| 2.4 | Dương Trường Sơn                                                       | 0                   | Anh                                                                |                               |          |         |                            | 0                             |

2. Giao dịch cổ phiếu: (tính đến ngày 30/06/2014)

| STT | Người thực hiện giao dịch       | Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|---------|----------------------------|---------|----------------------------------------------------|
|     |                                 |                                        | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ % |                                                    |
| 1   | VIAC (No.1) Limited Partnership | Cổ đông lớn                            | 5.503.635                 | 4,88%   | 7.703.635                  | 6,83%   | Mua: 2.200.000 cp                                  |
| 3   | Ông Dương Quang Châu            | Cổ đông nội bộ                         | 15.600                    | 0,014%  | 115.600                    | 0,102%  | Mua: 100.000 cp                                    |

77-C.T.C.P  
S  
PHỐ  
THỊ MINH

|    |                             |                                         |           |        |           |       |                                     |
|----|-----------------------------|-----------------------------------------|-----------|--------|-----------|-------|-------------------------------------|
| 4  | Ông Lê Quốc Bình            | Cổ đông nội bộ                          | 2.500.000 | 2,22%  | 3.158.640 | 2,80% | Mua: 658.640 cp                     |
| 5  | Amersham Industries Limited | Tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ | 6.822.650 | 6,05%  | 8.806.580 | 7,81% | Mua: 1.983.930 cp                   |
| 8  | Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm      | Cổ đông nội bộ                          | 239.200   | 0,212% | 0         | 0%    | Mua: 100.000 cp<br>Bán: 339.200 cp  |
| 9  | Ông Lê Quốc Bình            | Cổ đông nội bộ                          | 3.169.540 | 2,81%  | 0         | 0%    | Mua: 30.460 cp<br>Bán: 3.200.000 cp |
| 10 | Ông Đặng Ngọc Thanh         | Cổ đông nội bộ                          | 1.800     |        | 0         | 0%    | Bán: 1.800 cp                       |
| 11 | Ông Đoàn Minh Thư           | Cổ đông nội bộ                          | 13.275    |        | 3.275     |       | Bán: 10.000 cp                      |

Ghi chú: Tỷ lệ tính trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành 121.861.500 cổ phiếu.

3. Các giao dịch khác: không có.

IV. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP, P.TC-KT



LÊ VŨ HOÀNG



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN  
CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT đến ngày 30/06/2014**

-----\*\*\*-----

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ   | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------|----------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 1.  | Lê Vũ Hoàng         |                                                      | Chủ tịch<br>HĐQT     |         |                              |          |         | 351.686                             | 0,12%                                     |            |
| 1.1 | Lê Huỳnh Vũ Anh     |                                                      | Con                  |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.2 | Lê Huỳnh Vân Anh    |                                                      | Con                  |         |                              |          |         | 15.480                              | 0,01%                                     |            |
| 2.  | Đặng Ngọc Thanh     |                                                      | Phó Chủ tịch<br>HĐQT |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.1 | Phan Thị Loan       |                                                      | Vợ                   |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |



| Stt  | Tên cá nhân/Tổ chức | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ                          | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|------|---------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 2.3  | Đặng Phan Quốc Bảo  |                                                      | Con                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.4  | Đặng Phan Như Ngọc  |                                                      | Con                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.5  | Đặng Ngọc Trinh     |                                                      | Anh                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.6  | Đặng Văn Linh       |                                                      | Anh                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.7  | Đặng Ngọc Tuấn      |                                                      | Anh                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.8  | Đặng Ngọc Quang     |                                                      | Anh                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.9  | Đặng Ngọc Phúc      |                                                      | Anh                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.10 | Đặng thị Thu Nguyệt |                                                      | Chị                                         |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 2.11 | Đặng Thị Thu Hoa    |                                                      | Em                                          |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3    | Lê Quốc Bình        |                                                      | Thành<br>HĐQT viên<br>kiêm Tổng<br>Giám đốc |         |                              |          |         | 0                                   | 0%                                        |            |

| Stt  | Tên cá nhân/Tổ chức     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|------|-------------------------|------------------------------------------------------|--------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 3.1  | Lê Quang Trí            |                                                      | Cha                |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.2  | Lê Thị Liên             |                                                      | Mẹ                 |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.3  | Phạm Thị Thúy Hằng      |                                                      | Vợ                 |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.4  | Lê Phạm Quốc Cường      |                                                      | Con                |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.5  | Lê Phạm Quốc Thành      |                                                      | Con                |         | Còn nhỏ                      |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.6  | Lê Quang Phúc           |                                                      | Anh                |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.7  | Lê Thị Phương Thảo      |                                                      | Chị                |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.8  | Lê Minh Trị             |                                                      | Anh                |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.9  | Lê Quang Lộc            |                                                      | Anh                |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 3.10 | Lê Minh Châu            |                                                      | Em                 |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 4    | Gerardo C.Ablaza,<br>JR |                                                      | TV HĐQT            |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 4.1 | Ma. Lourdes L.<br>Limlengco- Ablaza | 0                                                    | Vợ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 4.2 | Gerardo Ma. L.<br>Ablaza III        | 0                                                    | Con                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 4.3 | Julian Miguel L.<br>Ablaza          | 0                                                    | Con                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 4.4 | Joseph Raphael L.<br>Ablaza         | 0                                                    | Con                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 4.5 | Sariel Gutierrez<br>Ablaza          | 0                                                    | Cha                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 4.6 | Araceli Guevarra<br>Cinco-Ablaza    | 0                                                    | Mẹ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 5   | Nguyễn Hồng Sơn                     |                                                      | Thành viên<br>HDQT |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức        | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ/quan hệ                         | Địa chỉ | CMND/Passport/Số ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|----------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|---------|-----------------------|----------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 5.1 | Vũ Phương Thủy             |                                          | Vợ                                      |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 5.2 | Nguyễn Sơn Tùng            |                                          | Con                                     |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 5.3 | Nguyễn Tuấn Khôi           |                                          | Con                                     |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 5.4 | Nguyễn Tùng Lâm            |                                          | Cha                                     |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 5.5 | Nguyễn Thị Hồng Năm        |                                          | Mẹ                                      |         |                       |          |         |                            |                               |         |
| 6   | <b>Nguyễn Mai Bảo Trâm</b> |                                          | <b>Thành viên kiêm P. Tổng Giám đốc</b> |         |                       |          |         | 29.400                     | 0,026 %                       |         |
| 6.1 | Lê Thị Minh Thư            |                                          | Mẹ                                      |         |                       |          |         | 03                         |                               |         |
| 6.2 | Nguyễn Lê Trâm Tuyên       | 0                                        | Em                                      |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 6.3 | Nguyễn Lê Uyên Thảo        | 0                                        | Em                                      |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức         | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ/quan hệ                                                            | Địa chỉ | CMND/Passport/Số ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------|----------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 6.4 | Nguyễn Mai Bảo Thoa         | 0                                        | Em                                                                         |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 7   | Dominic Scriven             | 0                                        | Thành viên HĐQT                                                            |         |                       |          |         | 42.750                     | 0,025 %                       |         |
| 7.1 | Amersham Industries Limited |                                          | Là công ty chịu sự quản lý chung với Vietnam Enterprise Investment Limited |         |                       |          |         | 76.000                     |                               |         |
| 7.2 | Vietnam Dragon Fund Limited |                                          | Là công ty chịu sự quản lý chung với Vietnam Enterprise Investment Limited |         |                       |          |         | 217.360                    |                               |         |
| 7.3 | Trần Thị Kim Loan           | 0                                        | Vợ                                                                         |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 7.4 | Sylvia Valerie Scriven      | 0                                        | Mẹ                                                                         |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 7.5 | Valerie Amanda Stinley      | 0                                        | Em                                                                         |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 8   | John Eric Francia           | 0                                        | TVHĐTQ                                                                     |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 8.1 | Marie Belle D.<br>Francia    |                                                      | Vợ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 8.2 | Prudencio S. Francia         |                                                      | Cha                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 8.3 | Norma T. Francia             |                                                      | Mẹ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 8.4 | Maria Cecilia F.<br>Martinez |                                                      | Chị                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 8.5 | Gerardo T. Francia           |                                                      | Anh                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 8.6 | Maria Carmel F.<br>Belmonte  |                                                      | Chị                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------------------|--------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 8.7 | Raymund T. Francia            |                                                      | Anh                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 09  | <b>Nguyễn Quang<br/>Thanh</b> | 0                                                    | TVHDQT             |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 9.1 | Thân Thị Thu Thảo             |                                                      | Vợ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 9.2 | Nguyễn Thảo Nguyên            |                                                      | Con                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 9.3 | Nguyễn Thanh<br>Nguyên        |                                                      | Con                |         | Chưa có                      |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 9.4 | Nguyễn Quang Đích             |                                                      | Cha                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 9.5 | Nguyễn Thị Hợp                |                                                      | Mẹ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 9.6 | Nguyễn Thị Hoàn               |                                                      | Chị                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt                 | Tên cá nhân/Tổ chức                            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ/quan hệ           | Địa chỉ | CMND/Passport/Số ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|---------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------|---------|-----------------------|----------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 9.7                 | Nguyễn Quang Tôn                               |                                          | Anh                       |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 9.8                 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết                           |                                          | Chị                       |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 9.9                 | Nguyễn Quang Khải                              |                                          | Em                        |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 9.10                | Nguyễn Quang Định                              |                                          | Em                        |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| <b>BAN GIÁM ĐỐC</b> |                                                |                                          |                           |         |                       |          |         |                            |                               |         |
| 1                   | <b>NGUYỄN THỊ THU TRÀ (Giám đốc tài chính)</b> |                                          | <b>Giám đốc tài chính</b> |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 1.1                 | Nguyễn Ngọc Thi                                | 0                                        | Cha                       |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |
| 1.2                 | Lê Ngọc Dung                                   | 0                                        | Mẹ                        |         |                       |          |         | 0                          |                               |         |

| Stt                  | Tên cá nhân/Tổ chức   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ    | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|----------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 1.3                  | Nguyễn Duy Hùng       | 0                                                    | Chồng                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.4                  | Nguyễn Ngọc Khánh Mai | 0                                                    | Con                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b> |                       |                                                      |                       |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| <b>1</b>             | <b>ĐOÀN MINH THU</b>  |                                                      | <b>Trưởng BKS</b>     |         |                              |          |         | <b>3.275</b>                        | <b>%</b>                                  |            |
| 1.1                  | Phan Thị Thu Nhon     | 0                                                    | Mẹ                    |         | Già                          |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.2                  | Phan thị Minh Lành    | 0                                                    | Vợ                    |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.3                  | Đoàn Minh Châu        | 0                                                    | Con                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| <b>2</b>             | <b>TRẦN THỊ TUẤT</b>  |                                                      | <b>Thành viên BKS</b> |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------|--------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 2.1 | Trần Văn Hành       | 0                                                    | Cha                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.2 | Huỳnh Thị Mận       | 0                                                    | Mẹ                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.3 | Ngô Hữu Tấn         | 0                                                    | Chồng              |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.4 | Ngô Trần Ngọc An    | 0                                                    | Con                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.5 | Trần Thị Thảo       | 0                                                    | Chị                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.6 | Trần Thị Thân       | 0                                                    | Chị                |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.7 | Trần Thị Tiến       | 0                                                    | Em                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.8 | Trần Thị Hằng       | 0                                                    | Em                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.9 | Trần Thị Thiện      | 0                                                    | Em                 |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt  | Tên cá nhân/Tổ chức       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ    | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|------|---------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 2.10 | Trần Văn Thuận            | 0                                                    | Em                    |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.11 | Trần Thị Tuyết Nhung      | 0                                                    | Em                    |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 2.12 | Trần Phú Cường            | 0                                                    | Em                    |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3    | <b>TRỊNH THỊ NGỌC ANH</b> | 0                                                    | <b>Thành viên BKS</b> |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3.1  | Nguyễn Thị Hanh           | 0                                                    | Mẹ                    |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3.2  | Trịnh Thị Ngọc Hà         | 0                                                    | Chị                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3.3  | Trịnh Văn Đăng            | 0                                                    | Anh                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3.4  | Trịnh Thị Hồng Cẩm        | 0                                                    | Chị                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3.5  | Trịnh Văn Du              | 0                                                    | Anh                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 3.6  | Trịnh Thị Ngọc Lan        | 0                                                    | Chị                   |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt                   | Tên cá nhân/Tổ chức             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán (nếu<br>có) | Chức<br>vụ/quan hệ        | Địa chỉ | CMND/<br>Passport/Số<br>ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ | Ghi<br>chú |
|-----------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|---------|------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 3.7                   | Hoàng Trọng Tịch                | 0                                                    | Chồng                     |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b> |                                 |                                                      |                           |         |                              |          |         |                                     |                                           |            |
| 1                     | <b>NGUYỄN THỊ MAI<br/>HƯƠNG</b> | 0                                                    | <b>Kế Toán<br/>Trưởng</b> |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.1                   | Nguyễn Huy Thông                | 0                                                    | Cha                       |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.2                   | Phạm Thị Chúc                   | 0                                                    | Mẹ                        |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.3                   | Nguyễn Bình Dương               | 0                                                    | Anh                       |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.4                   | Đồng Phạm Kiên                  | 0                                                    | Chồng                     |         |                              |          |         | 0                                   |                                           |            |
| 1.5                   | Đồng Phạm Hải Long              | 0                                                    | Con                       |         | Còn nhỏ                      |          |         | 0                                   |                                           |            |

| Stt | Tên cá nhân/Tổ chức | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ/quan hệ | Địa chỉ | CMND/Passport/Số ĐKKD | Ngày cấp | Nơi cấp | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------|-----------------|---------|-----------------------|----------|---------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1.6 | Đồng Thị Quỳnh Anh  | 0                                        | Con             |         | Còn nhỏ               |          |         | 0                          |                               |         |

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu nắm giữ tính tại thời điểm ngày 30/06/2012. Tỷ lệ cổ phiếu tính trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 75.201.000 cổ phiếu.



**LÊ VŨ HOÀNG**